Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hoàn Kiếm, CN=Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Kỹ Thương, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102995749
Reason: I agree to specified parts of this document
Location:
Date: 2025.07.23 15:19:21 +07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.2.2

TECHCOM CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2025/ Hanoi, July 23, 2025

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Thành viên lập quỹ và Quý Nhà Đầu tư
- State Securities Commision of Vietnam, Ho Chi Minh Stock Exchange, Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation, Authorized Participants and Investors

- Tên Công ty quản lý quỹ/ *Fund Management company:* Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương /*Techcom Capital Joint Stock Company*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/*Bank for Investment and Development of Vietnam - Hathanh branch*
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 / *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUETCC50
- Địa chỉ trụ sở chính/*Main ofice address:* Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, Số 6 Phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội/ *20th Floor, Techcombank Building, No. 6 Quang Trung Street, Tran Hung Dao Ward, Hoan Kiem District, Hanoi City.*

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange date:* 22/07/2025
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: *1 lot of ETF = 100.000 ETF certificates.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT *Order*	Mã chứng khoán *Security symbol*	Số lượng CP/ Giá trị (VND) *Volume/ Amount*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weighting*
I. Chứng khoán/ Stock		1,182,070,000	98.43%
1	ACB	2,500	4.76%
2	CTG	500	1.88%
3	DCM	100	0.29%
4	DGC	200	1.70%
5	DIG	200	0.33%
6	DPM	100	0.33%
7	EIB	900	1.90%
8	FPT	800	7.35%
9	GEX	400	1.48%
10	GMD	200	0.95%
11	HCM	500	1.02%
12	HDB	1,500	3.06%
13	HPG	2,400	5.24%
14	HSG	200	0.30%
15	IDC	300	1.14%
16	KBC	300	0.71%
17	KDH	200	0.47%
18	LPB	1,600	4.73%
19	MBB	1,700	3.82%
20	MSB	1,200	1.33%
21	MSN	500	3.23%
22	MWG	700	4.08%
23	NLG	200	0.67%
24	PDR	300	0.50%
25	PNJ	100	0.71%
26	POW	100	0.12%
27	PVS	300	0.83%
28	SAB	100	0.40%
29	SHB	2,000	2.43%
30	SHS	700	0.96%
31	SSB	800	1.33%
32	SSI	500	1.31%
33	STB	1,100	4.53%
34	TCB	2,700	7.97%
35	TPB	900	1.13%
36	VCB	500	2.55%
37	VCG	200	0.39%
38	VCI	200	0.68%
39	VHM	600	4.60%
40	VIB	1,400	2.02%
41	VIC	700	6.53%
42	VJC	100	0.79%
43	VND	400	0.60%
44	VNM	500	2.50%
45	VPB	2,200	4.09%
46	VRE	300	0.72%
II. Tiền/ Cash (VNĐ)		18,794,932	1.57%
III. Tổng/ Total (III= I+II)		1,200,864,932	100.00%

Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:*

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*basket value* (VND): 1,182,070,000
- Giá trị tài sản ròng của lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* (VND): 1,200,864,932
- Giá trị chênh lệch/*Spread in value* (VND): 18,794,932
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread (if any):*

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash (if any, state reason):*

Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VNĐ) Cash amount is replaced for 1 shares (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do Reason
TCB	38,995	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định tại TT121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC
MSN	85,250	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	Hạn chế đầu tư do Cổ đông lớn của công ty mẹ/ Restriction due to the major shareholder of the parent company
VCI	44,715	Công ty Cổ phần Chứng khoán VietCap (VIETCAP)	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
HCM	26,950	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
MBB	29,645	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
TCB	38,995	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VIB	19,085	Nhà Đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign investor/ Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*

Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations (if any):*

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	**Kỳ này/*This period (*)* 22/07/2025**	**Kỳ trước/*Last period (**)* 21/07/2025**	**Chênh lệch/ *Changes***
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	2	-	2.00
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Issued Shares*	6,500,000	6,300,000	200,000.00
4. Giá đóng cửa (VND/CCQ)/*Close Price*	12,010	12,050	(40.00)
5. Giá trị tài sản ròng/ *Net Asset Value:*			
của quỹ ETF/*of the Fund*	75,654,490,751	76,073,817,292	(419,326,541.00)
của một lô ETF/*per Creation Unit*	1,200,864,932	1,207,520,909	(6,655,977.00)
của một chứng chỉ Quỹ/*per Share*	12,008.64932	12,075.20909	(66.56)
6. Chỉ số tham chiếu/ *Benchmark Index:*	2,728.57	2,685.75	42.82

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 21/07/2025/ *Item5 is net asset value calculated as at 21/07/2025*

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 20/07/2025/ *Item5 is net asset value calculated as at 20/07/2025*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./. ***We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any mispresentation.***

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

Phí Tuấn Thành
Tổng Giám Đốc/ Chief Executive Officer